

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - CTCK)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - CTCK)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - CTCK)	9
Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (Mẫu số B 05 - CTCK)	10
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - CTCK)	11

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép Thành lập và Hoạt động

68/UBCK-GP ngày 6 tháng 11 năm 2007
276/UBCK-GP (điều chỉnh vốn) ngày 6 tháng 11 năm 2009

Giấy phép Thành lập và Hoạt động do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp.

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thanh Phương	Chủ tịch
Ông Tô Hải	Thành viên
Ông Huỳnh Richard Lê Minh	Thành viên
Ông Trần Bảo Toàn	Thành viên
Ông Trần Quyết Thắng	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Bảo	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Bảo	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Tô Hải	Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Richard Lê Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Bảo	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Tô Hải	Tổng Giám đốc
------------	---------------

Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bản Việt ("Công ty") là môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; và lưu ký chứng khoán.

Trụ sở chính

67 Hàm Nghi, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Kiểm toán viên

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai phạm khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 42. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tô Hải
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2012



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bản Việt ("Công ty") được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 30 tháng 3 năm 2012. Các báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có sai sót trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro sai phạm trọng yếu của các báo cáo tài chính do gian lận hoặc sai sót. Khi đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.



Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.



Ian S. Lydall
Số chứng chỉ KTV: N.0559/KTV
Chủ tịch

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HCM3147
Ngày 30 tháng 3 năm 2012

Nguyễn Hoàng Nam
Số chứng chỉ KTV: 0849/KTV

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2011 VNĐ	2010 VNĐ Trình bày lại
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.795.452.129.469	1.611.191.256.126
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	111.616.718.751	150.354.568.206
111	Tiền		41.216.718.751	19.354.568.206
112	Các khoản tương đương tiền		70.400.000.000	131.000.000.000
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5(a)	1.059.922.610.501	712.601.980.470
121	Đầu tư ngắn hạn		1.198.873.031.011	742.476.738.000
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(138.950.420.510)	(29.874.757.530)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		614.818.783.909	742.981.078.485
131	Phải thu khách hàng	6	283.486.148.968	550.442.996.450
132	Trả trước cho người bán		1.123.789.910	858.748.940
135	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		190.383.037	5.718.442.746
138	Các khoản phải thu khác	7	330.018.461.994	185.960.890.349
140	Hàng tồn kho		12.320.284	-
150	Tài sản ngắn hạn khác		9.081.696.024	5.253.628.965
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8	2.471.980.037	3.620.511.599
158	Tài sản ngắn hạn khác	9	6.609.715.987	1.633.117.366
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		622.201.775.573	153.257.880.520
220	Tài sản cố định		7.612.776.214	12.799.718.482
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	4.492.090.431	6.261.355.643
222	Nguyên giá		23.857.196.448	21.505.437.539
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(19.365.106.017)	(15.244.081.896)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	3.120.685.783	6.538.362.839
228	Nguyên giá		14.669.694.425	14.251.647.372
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(11.549.008.642)	(7.713.284.533)
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5(b)	606.244.925.000	134.441.100.000
253	Đầu tư chứng khoán dài hạn		11.604.400.000	21.054.400.000
254	Đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán		11.604.400.000	21.054.400.000
258	Đầu tư dài hạn khác		594.640.525.000	113.386.700.000
260	Tài sản dài hạn khác		8.344.074.359	6.017.062.038
263	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	11	2.919.239.269	1.213.106.262
268	Tài sản dài hạn khác	12	5.424.835.090	4.803.955.776
270	TỔNG TÀI SẢN		2.417.653.905.042	1.764.449.136.646

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2011 VNĐ	2010 VNĐ
				Trình bày lại
300	NỢ PHẢI TRẢ		1.955.863.491.667	1.308.910.728.582
310	Nợ ngắn hạn		1.455.431.516.667	1.308.366.753.582
311	Vay ngắn hạn	13(a)	582.426.780.000	282.061.800.000
312	Phải trả người bán	14	221.681.817.543	125.480.800.000
313	Người mua trả tiền trước	15	121.749.992.655	363.896.000.000
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	5.607.809.402	7.181.026.450
315	Phải trả người lao động		5.688.415.262	5.591.167.082
316	Chi phí phải trả	17	56.183.873.528	6.853.113.009
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	429.469.263.916	447.901.925.000
320	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	19	30.629.540.905	63.617.124.011
321	Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		471.775.000	1.171.818.000
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	1.522.248.456	4.611.980.030
330	Nợ dài hạn		500.431.975.000	543.975.000
334	Vay và nợ dài hạn	13(b)	500.000.000.000	-
336	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		431.975.000	543.975.000
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		461.790.413.375	455.538.408.064
410	Vốn chủ sở hữu		461.790.413.375	455.538.408.064
411	Vốn cổ phần	21	378.000.000.000	378.000.000.000
417	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		8.700.456.248	7.452.128.561
418	Quỹ dự phòng tài chính		8.700.456.248	7.452.128.561
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		66.389.500.879	62.634.150.942
440	TỔNG NGUỒN VỐN		2.417.653.905.042	1.764.449.136.646

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 01 – CTCK

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)****CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Mệnh giá tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2011 VNĐ	2010 VNĐ
6. Chứng khoán lưu ký	006 7.076.053.520.000	39.525.130.096.500
Trong đó:		
6.1. Chứng khoán giao dịch	007 5.935.718.010.000	36.008.372.715.500
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009 5.901.256.730.000	35.956.827.051.300
6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010 34.461.280.000	51.545.664.200
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012 310.931.090.000	2.814.815.228.100
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014 310.931.090.000	2.814.815.228.100
6.3. Chứng khoán cầm cố	017 780.304.200.000	276.241.595.000
6.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019 780.304.200.000	276.241.595.000
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027 40.164.000.000	100.645.607.000
6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028 -	116.820.000
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029 40.163.000.000	100.303.787.000
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030 1.000.000	225.000.000
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037 8.936.220.000	325.054.950.900
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039 8.936.220.000	325.054.950.900
		-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050 25.922.690.000	15.063.197.100
Trong đó:		
7.1. Chứng khoán giao dịch	051 25.922.690.000	15.063.197.100
7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053 25.032.340.000	15.063.197.100
7.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054 890.350.000	-

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ là 2.722 Đô-la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 4.254 Đô-la Mỹ).



Chu Hải Yến
Kế toán trưởng



Tô Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12	
		2011 VNĐ	2010 VNĐ Trình bày lại
1	Doanh thu	463.753.810.568	383.772.731.009
	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	62.952.545.148	37.848.398.582
1.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	23 200.856.196.514	269.075.887.765
1.5	Doanh thu hoạt động tư vấn	34.540.006.726	24.688.757.295
1.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán	4.147.000.733	2.442.751.520
1.9	Doanh thu khác	24 161.258.061.447	49.716.935.847
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	463.753.810.568	383.772.731.009
11	Chi phí hoạt động kinh doanh	25 (391.934.027.821)	(253.383.585.544)
20	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	71.819.782.747	130.389.145.465
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26 (39.351.580.327)	(34.600.382.521)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	32.468.202.420	95.788.762.944
31	Thu nhập khác	33.325.000	997.750.000
32	Chi phí khác	-	-
40	Thu nhập khác – số thuần	33.325.000	997.750.000
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	32.501.527.420	96.786.512.944
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	27 (7.534.973.683)	(22.551.433.316)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	24.966.553.737	74.235.079.628



Chu Hải Yên
Kế toán trưởng



Tô Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 03 - CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12	
		2011 VNĐ	2010 VNĐ Trình bày lại
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	Lợi nhuận trước thuế	32.501.527.420	96.786.512.944
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	8.007.836.758	11.005.412.421
03	Các khoản dự phòng	109.075.662.980	13.759.192.842
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(237.535.351.496)	(63.643.465.000)
06	Chi phí lãi vay	135.442.068.650	60.456.797.000
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	47.491.744.312	118.364.450.207
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu, chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và tài sản ngắn hạn khác	148.895.236.278	(845.443.899.629)
10	Tăng các khoản hàng tồn kho	(12.320.284)	-
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(198.500.464.373)	790.393.464.000
12	Giảm/(tăng) các chi phí trả trước	1.148.531.562	(2.897.640.372)
13	Tiền lãi vay đã trả	(85.628.126.221)	(62.636.328.000)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(9.067.267.080)	(28.932.111.000)
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(3.431.292.321)	(606.726.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(99.103.958.127)	(31.758.790.794)
II	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(2.820.894.490)	(3.119.302.000)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(1.195.000.000.000)	(12.502.959.000)
24	Tiền thu hồi cho vay	250.000.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(36.870.745.000)	(1.604.440.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	215.763.899.200	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	97.615.618.962	62.143.505.000
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(671.312.121.328)	44.916.804.000
III	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	1.944.102.280.000	654.971.220.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.143.737.300.000)	(622.909.420.000)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(18.686.750.000)	(37.278.350.000)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	781.678.230.000	(5.216.550.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	11.262.150.545	7.941.463.206
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	3 100.354.568.206	92.413.105.000
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3 111.616.718.751	100.354.568.206



Chu Hải Yến
Kế toán trưởng



Tô Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU


Mẫu số B 05 - CTCK

	Vốn cổ phần VNĐ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	378.000.000.000	3.740.374.580	3.740.374.580	38.819.036.851	424.299.786.011
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	74.235.079.628	74.235.079.628
- Trích lập quỹ trong năm	-	3.711.753.981	3.711.753.981	(7.423.507.962)	-
- Chi trả cổ tức	-	-	-	(37.800.000.000)	(37.800.000.000)
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(5.196.457.575)	(5.196.457.575)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	378.000.000.000	7.452.128.561	7.452.128.561	62.634.150.942	455.538.408.064
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	24.966.553.737	24.966.553.737
- Trích lập quỹ trong năm	-	1.248.327.687	1.248.327.687	(2.496.655.374)	-
- Chi trả cổ tức	-	-	-	(18.900.000.000)	(18.900.000.000)
- Hoàn nhập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	1.985.451.574	1.985.451.574
- Trích lập quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị	-	-	-	(1.800.000.000)	(1.800.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	378.000.000.000	8.700.456.248	8.700.456.248	66.389.500.879	461.790.413.375

Theo Thông tư 11/2000/TT-BTC ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000, Công ty phải trích lập các quỹ sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn : trích 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mỗi năm cho đến khi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ của Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính: trích 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mỗi năm cho đến khi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ của Công ty

Trong năm, Công ty đã chia 18.900.000.000 đồng cổ tức theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 18 tháng 4 năm 2011.



Chu Hải Yến
Kế toán trưởng



Tô Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.